ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ VĨNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 287 /KH-UBND	*Vĩnh Thuận, ngày 05 tháng 11 năm 2026*

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 618/KH-UBND ngày 23/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Đề án phát triển vùng nguyên liệu nông, lâm, thủy sản tập trung giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã Vĩnh Thuận

Thực hiện Kế hoạch số 618/KH-UBND ngày 23/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Đề án phát triển vùng nguyên liệu nông, lâm, thủy sản tập trung giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang, Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thuận ban hành kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn xã, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức triển khai thống nhất, đồng bộ các nhiệm vụ của Kế hoạch số 618/KH-UBND ngày 23/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Đề án "Phát triển vùng nguyên liệu nông, lâm, thủy sản tập trung giai đoạn 2026 - 2030" *(sau đây gọi là Kế hoạch)* trên địa bàn xã; hình thành và phát triển các vùng nguyên liệu nông, lâm, thủy sản tập trung có quy mô phù hợp, có thị trường, có tổ chức sản xuất, có doanh nghiệp liên kết, tiêu thụ, truy xuất nguồn gốc, chuyển đổi số, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Rà soát, lựa chọn các vùng nguyên liệu có lợi thế cạnh tranh của xã, ưu tiên các vùng sản xuất hàng hóa chủ lực như 02 vụ lúa, Tôm - Lúa; đồng thời phát triển vùng nguyên liệu rau màu, thủy sản, chăn nuôi phù hợp điều kiện thực tế.

2. Yêu cầu

Việc lựa chọn vùng nguyên liệu phải bám sát tiêu chí, điều kiện và phương pháp đánh giá của Kế hoạch; bảo đảm công khai, minh bạch, có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải. Vùng được lựa chọn phải gắn với nhu cầu thị trường, doanh nghiệp, Hợp tác xã (HTX) hoặc tổ chức sản xuất và khả năng đầu tư.

Mỗi vùng nguyên liệu được lựa chọn phải xác định rõ đầu mối điều phối, kế hoạch liên kết, hệ thống dữ liệu dùng chung, bộ chỉ số theo dõi và cơ chế giám sát, đánh giá; không hình thành thêm tổ chức trung gian nếu không thật sự cần thiết.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tổ chức lại sản xuất theo vùng và theo chuỗi giá trị; nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nông, thủy sản xã Vĩnh Thuận; giảm chi phí tổn thất sau thu hoạch; nâng cao thu nhập của người sản xuất, hiệu quả hoạt động của Hợp tác xã (HTX) và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Rà soát, đánh giá và lựa chọn các vùng nguyên liệu theo tiêu chí của Kế hoạch; định hướng lựa chọn vùng nguyên liệu 02 vụ lúa, Tôm - Lúa trong diện tích thực hiện Kế hoạch vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao giai đoạn 2025-2030 xã Vĩnh Thuận và Kế hoạch thực hiện Đề án "Phát triển bền vững một triệu héc ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030".

- Phấn đấu khoảng 70% vùng nguyên liệu được hỗ trợ có hợp tác xã, tổ hợp tác tham gia tổ chức sản xuất và có ít nhất một doanh nghiệp, cơ sở chế biến, thu gom, phân phối hoặc tổ chức tiêu thụ sản phẩm ký hợp đồng liên kết hoặc thỏa thuận hợp tác còn hiệu lực.

- Phấn đấu ít nhất 60% sản lượng của vùng nguyên liệu được lựa chọn có hợp đồng hoặc thỏa thuận liên kết sản xuất, tiêu thụ phù hợp.

- Trên 80% Hợp tác xã (HTX) tổ chức sản xuất trong các vùng được lựa chọn được đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản trị, tổ chức sản xuất và liên kết chuỗi.

- Trên 70% vùng nguyên liệu được lựa chọn có bản đồ số; ít nhất 60% diện tích được hỗ trợ áp dụng nhật ký điện tử, quản lý mã số và truy xuất nguồn gốc phù hợp.

- Giảm chi phí vận chuyển tối thiểu 10%, giảm thời gian thu gom khoảng 10 - 15%.

- Giảm tổn thất sau thu hoạch khoảng 8 - 10% tại các vùng nguyên liệu được lựa chọn.

- Phấn đấu tăng khoảng 10% doanh thu của Hợp tác xã và thu nhập của người sản xuất tham gia vùng nguyên liệu.

- Phát triển, củng cố và nâng cao vai trò hiệu quả các Hợp tác xã nông nghiệp trong chuỗi giá trị chất lượng cao và giảm giá thành sản phẩm, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất theo tiêu chuẩn, có truy xuất nguồn gốc; ưu tiên các HTX đang hoạt động hiệu quả góp phần tăng thu nhập cải thiện đời sống cho người dân và xây dựng nông thôn mới bền vững.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Rà soát, lựa chọn vùng nguyên liệu

Tổ chức rà soát, đánh giá toàn diện hiện trạng các vùng sản xuất nông, thủy sản trên địa bàn xã; xác định rõ quy mô diện tích, sản phẩm, chủ thể sản xuất, số

lượng hộ tham gia, hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp liên kết, sản lượng, năng lực thu gom, tiêu thụ, hệ thống giao thông, thủy lợi, điện, điểm tập kết và các hạ tầng thiết yếu khác.

Việc rà soát, lựa chọn vùng nguyên liệu phải gắn với quy hoạch xã, định hướng phát triển các ngành hàng chủ lực và nhu cầu thực tế của thị trường; ưu tiên các vùng có lợi thế cạnh tranh, sản xuất tập trung, có khả năng mở rộng quy mô hợp lý, có hợp tác xã hoặc tổ chức sản xuất làm đầu mối và có doanh nghiệp tham gia liên kết, tiêu thụ sản phẩm.

Trên cơ sở kết quả rà soát, tổ chức lập danh sách các vùng nguyên liệu tiềm năng; thu thập, cập nhật đầy đủ thông tin về quy mô, sản phẩm, số hộ tham gia, hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp liên kết, thị trường tiêu thụ, năng lực thu gom, chế biến, hạ tầng và khả năng huy động nguồn lực.

Trên cơ sở các vùng nguyên liệu được lựa chọn, lập danh mục vùng nguyên liệu và hồ sơ đề xuất dự án phát triển vùng nguyên liệu tương ứng; xác định nhu cầu đầu tư, nguồn vốn, phương án tổ chức sản xuất, liên kết tiêu thụ, quản lý, vận hành sau đầu tư và hiệu quả dự kiến, làm cơ sở thẩm định, lựa chọn và tổ chức triển khai theo quy định.

2. Phát triển vùng nguyên liệu lúa gạo

Tập trung củng cố và phát triển các vùng nguyên liệu sản xuất lúa chất lượng cao, phát thải thấp, gắn với Đề án phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp, tập trung tại các ấp: Kênh 1, Thắng Lợi, Kênh 2, Lò Rèn….

Tổ chức lại sản xuất theo vùng và theo chuỗi giá trị, lấy hợp tác xã làm đầu mối tổ chức sản xuất, doanh nghiệp làm đầu mối thị trường; tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất từ khâu giống, vật tư đầu vào, hướng dẫn kỹ thuật, tổ chức sản xuất, cơ giới hóa, thu hoạch, thu gom, bảo quản, tiêu thụ.

Đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ các khâu sản xuất, thu hoạch và sau thu hoạch; từng bước hình thành hệ thống thu gom, vận chuyển, bảo quản phù hợp với quy mô vùng nguyên liệu.

Đối với từng vùng nguyên liệu sản xuất được lựa chọn cần xác định cụ thể địa bàn, quy mô diện tích, tổ chức sản xuất, số hộ tham gia, hợp tác xã, doanh nghiệp liên kết, hiện trạng sản xuất và hạ tầng, nhu cầu đầu tư, thị trường và khả năng tiêu thụ, năng lực chế biến, phương án liên kết sản xuất và tiêu thụ, nguồn vốn và vốn đối ứng, phương án quản lý, vận hành sau đầu tư và các chỉ tiêu đầu ra, hiệu quả dự kiến; trên cơ sở đó lập hồ sơ đề xuất dự án phát triển vùng nguyên liệu theo quy định của kế hoạch.

3. Phát triển rau màu, thủy sản và chăn nuôi

Đối với rau màu, thủy sản và chăn nuôi, định hướng rà soát, lựa chọn các khu vực có lợi thế về điều kiện tự nhiên, khả năng tổ chức sản xuất, hạ tầng, phù hợp với quy hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, an toàn thực phẩm và yêu cầu của thị trường.

Ưu tiên các khu vực đã có tổ chức sản xuất, doanh nghiệp tham gia liên kết, có khả năng hình thành chuỗi giá trị và có đầu ra ổn định; khuyến khích ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc và phát triển sản xuất theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và hiệu quả kinh tế.

Lựa chọn và phát triển vùng nguyên liệu đối với các ngành hàng này thực hiện trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá và đáp ứng các tiêu chí của Kế hoạch, phù hợp với nhu cầu thị trường và khả năng huy động nguồn lực; không xác định trước quy mô, diện tích cụ thể và không mở rộng diện tích khi chưa xác định rõ thị trường tiêu thụ, tổ chức sản xuất và khả năng liên kết chuỗi.

4. Hạ tầng vùng nguyên liệu

Đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng phục vụ vùng nguyên liệu, trong đó ưu tiên nâng cấp đường giao thông kết nối vùng sản xuất với các khu vực thu gom, cùng với hệ thống thủy lợi nội đồng, các điểm tập kết và các công trình hạ tầng tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức sản xuất và lưu thông hàng hóa.

5. Củng cố nâng cao năng lực HTX và tổ chức nông dân

Tập trung củng cố và nâng cao năng lực hoạt động của các hợp tác xã, thông qua việc đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý, tài chính, kế toán, tổ chức sản xuất và xây dựng quan hệ liên kết, đồng thời củng cố và sắp xếp lại các hợp tác xã hoạt động chưa hiệu quả, phát triển các tổ hợp tác phù hợp với điều kiện thực tế tại từng địa bàn.

Khuyến khích việc ký kết hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ theo thời hạn trung hạn và dài hạn, xây dựng phương án phối hợp thống nhất từ cung cấp giống, vật tư đầu vào, hướng dẫn quy trình kỹ thuật, áp dụng tiêu chuẩn chất lượng, đến việc thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, đồng thời quy định rõ cơ chế theo dõi thực hiện và giải quyết các vấn đề phát sinh theo quy định, bảo đảm quyền lợi và nghĩa vụ của các bên tham gia liên kết.

6. Liên kết doanh nghiệp - HTX - người sản xuất

Khuyến khích các chủ thể tham gia ký kết hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ trong trung hạn và dài hạn, nhằm tạo sự ổn định và bền vững trong quan hệ hợp tác. Trên cơ sở đó, xây dựng phương án liên kết thống nhất, rõ ràng về nội dung phối hợp trong việc cung cấp giống, vật tư đầu vào, hướng dẫn quy trình kỹ thuật sản xuất, áp dụng tiêu chuẩn chất lượng, thu mua sản phẩm và tổ chức tiêu thụ, bảo đảm quyền lợi và nghĩa vụ của từng bên tham gia.

Đồng thời, tổ chức theo dõi chặt chẽ quá trình thực hiện các nội dung đã thỏa thuận, kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc và có biện pháp giải quyết phù hợp; chủ động phòng ngừa, phát hiện sớm và xử lý các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình liên kết, đồng thời giải quyết các tranh chấp, bất đồng giữa các bên theo đúng quy định của pháp luật và thỏa thuận đã ký kết, góp phần bảo đảm sự ổn định và hiệu quả của quan hệ liên kết sản xuất và tiêu thụ tại các vùng nguyên liệu.

7. Xây dựng cơ sở dữ liệu, thúc đẩy chuyển đổi số

Xây dựng bản đồ số chi tiết từng vùng nguyên liệu, xác định rõ ranh giới, diện tích, vị trí và các thông tin cơ bản khác; đồng thời cấp và quản lý thống nhất mã số vùng trồng theo quy định.

Xây dựng cơ sở dữ liệu sản xuất tập trung, cập nhật đầy đủ thông tin về chủ thể tham gia, cơ cấu giống, mùa vụ, năng suất, sản lượng, quy trình áp dụng và các chỉ tiêu chất lượng chính.

Triển khai áp dụng nhật ký sản xuất điện tử tại các vùng được hỗ trợ, ghi chép đầy đủ, chính xác và kịp thời các hoạt động trong quá trình sản xuất, từ đó xây dựng và vận hành hệ thống truy xuất nguồn gốc, cho phép xác minh rõ ràng nguồn gốc, quy trình sản xuất và lộ trình lưu chuyển của sản phẩm.

8. Huy động nguồn lực

Lồng ghép hợp lý có hiệu quả nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, các chương trình mục tiêu, đề án khác trên địa bàn cùng với các nguồn vốn hợp pháp khác do doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức kinh tế và người sản xuất tự huy động, tạo thành nguồn lực tổng thể đồng bộ để triển khai các nội dung của Kế hoạch.

Việc bố trí, huy động và sử dụng nguồn lực thực hiện Kế hoạch được gắn với danh mục vùng nguyên liệu và danh mục dự án được lựa chọn, bảo đảm đúng thứ tự ưu tiên và khả năng cân đối nguồn lực. Ngân sách nhà nước ưu tiên hỗ trợ các công trình, hạng mục hạ tầng công cộng, thiết yếu, có tác động trực tiếp đến vùng nguyên liệu; các hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc trách nhiệm huy động nguồn lực của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và người sản xuất theo quy định.

IV. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

Nguồn vốn ngân sách bố trí từ thực hiện theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

Nguồn vốn của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất và các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển sản xuất và các hoạt động khác thuộc trách nhiệm của các chủ thể theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế

Là cơ quan đầu mối tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; chủ trì phối hợp các phòng, ban, ngành, xã, doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức sản xuất trong quá trình thực hiện.

Chủ trì rà soát, đánh giá, lựa chọn vùng nguyên liệu. Xây dựng, quản lý, cập nhật và vận hành cơ sở dữ liệu số vùng nguyên liệu của xã, bảo đảm kết nối đồng bộ với nền tảng chung của tỉnh.

Tổ chức theo dõi, giám sát định kỳ, đột xuất tiến độ, chất lượng, hiệu quả thực hiện và tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân xã, Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

Tham mưu Ủy ban nhân dân xã cân đối, bố trí và lồng ghép nguồn vốn ngân sách địa phương theo khả năng cân đối và quy định của pháp luật; phối hợp thẩm định nhu cầu vốn, tổng hợp và phân bổ nguồn lực theo đúng thứ tự ưu tiên và tiến độ triển khai.

Hướng dẫn thực hiện công tác thanh quyết toán và kiểm tra việc sử dụng vốn; phối hợp giám sát tiến độ giải ngân, hiệu quả sử dụng nguồn lực và đề xuất giải pháp xử lý các khó khăn, vướng mắc trong quá trình phân bổ và quản lý vốn.

Phối hợp rà soát, đề xuất danh mục và thứ tự ưu tiên đầu tư các công trình hạ tầng giao thông và hạ tầng liên quan phục vụ vùng nguyên liệu; hướng dẫn quy hoạch, tiêu chuẩn kỹ thuật, thủ tục đầu tư, quản lý chất lượng công trình theo thẩm quyền.

Phối hợp hướng dẫn, kiểm tra công tác giải phóng mặt bằng, thủ tục đầu tư, nghiệm thu, bàn giao và quy chế quản lý, vận hành, duy tu bảo trì công trình sau khi hoàn thành, bảo đảm công trình được đưa vào khai thác hiệu quả, bền vững.

Chủ trì thực hiện tư vấn, nâng cao năng lực quản trị, tài chính, kế toán, tổ chức sản xuất và xây dựng liên kết sản xuất cho các hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn; hỗ trợ củng cố, sắp xếp lại các hợp tác xã hoạt động chưa hiệu quả trong các vùng nguyên liệu.

2. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp

Chủ trì phát triển, củng cố các HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất theo tiêu chuẩn, có truy xuất nguồn gốc.

3. Phòng Văn hóa – Xã hội

Hướng dẫn ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; hướng dẫn, hỗ trợ tham gia hệ thống thông tin quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá xã Vĩnh Thuận.

Hỗ trợ, hướng dẫn việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các giải pháp nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hoá góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất và sức cạnh tranh cho nông sản trên địa bàn xã.

4. Đề nghị Hội Nông dân xã

Phối hợp tuyên truyền, phổ biến chính sách, hỗ trợ đào tạo, tư vấn nâng cao năng lực quản trị, tài chính, kế toán, tổ chức sản xuất và xây dựng liên kết sản xuất cho các hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn.

Phối hợp hỗ trợ củng cố, sắp xếp lại các hợp tác xã hoạt động chưa hiệu quả, phát huy vai trò đầu mối tổ chức sản xuất, điều phối vùng nguyên liệu và liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị.

VI. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Các phòng, ban, ngành xã thực hiện báo cáo định kỳ 6 tháng, hằng năm và đột xuất theo yêu cầu. Phòng Kinh tế làm đầu mối tổng hợp, tham mưu UBND xã báo cáo, UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

- Hằng năm và 06 tháng rà soát lại tiến độ, kết quả thực hiện chỉ tiêu, hiệu quả sử dụng vốn, tình hình liên kết sản xuất và quản lý dữ liệu; làm cơ sở điều chỉnh kế hoạch năm sau.

- Giữa kỳ năm 2028: Đánh giá toàn diện mức độ đạt mục tiêu, rà soát lại danh mục dự án và thứ tự ưu tiên bố trí nguồn lực; đưa ra những dự án không đủ điều kiện, bổ sung những nơi đủ tiêu chuẩn.

- Tổng kết năm 2030: Đánh giá đầy đủ hiệu quả kinh tế – xã hội – môi trường, tính bền vững sau đầu tư; rút kinh nghiệm và đề xuất hướng phát triển giai đoạn tiếp theo.

Thủ trưởng các phòng, ban, ngành xã, các doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức triển khai Kế hoạch. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân xã *(qua Phòng Kinh tế)* để tổng hợp, tham mưu UBND xã xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- CT và các PCT UBND xã;
- Phòng kinh tế;
- Các phòng, ban, ngành xã;
- LĐVP, CVNC;
- Trưởng ấp các ấp;
- Lưu: VT, PKT, ltkien.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ VĨNH THUẬN T. AN GIANG

Nguyễn Thanh Trung

PHỤ LỤC I
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỤ THỂ

(kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng 11 năm 2026 của UBND xã Vĩnh Thuận)

STT	Mục tiêu cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
1	Rà soát, đánh giá và lựa chọn các vùng nguyên liệu theo tiêu chí của Kế hoạch.	Phòng Kinh tế	Các phòng, ngành xã, HTX, doanh nghiệp	2026 - 2027
2	Phấn đấu khoảng 70% vùng nguyên liệu được hỗ trợ có hợp tác xã, tổ hợp tác tham gia tổ chức sản xuất và có ít nhất một doanh nghiệp, cơ sở chế biến, thu gom, phân phối hoặc tổ chức tiêu thụ sản phẩm ký hợp đồng liên kết hoặc thỏa thuận hợp tác còn hiệu lực.	Phòng Kinh tế	Các phòng, ngành xã, HTX, doanh nghiệp	2027 - 2030
3	Phấn đấu ít nhất 60% sản lượng của vùng nguyên liệu được lựa chọn có hợp đồng hoặc thỏa thuận liên kết sản xuất, tiêu thụ phù hợp.	Phòng Kinh tế	Các phòng, ngành xã, HTX, doanh nghiệp	2027 - 2030
4	Trên 80% HTX, tổ chức sản xuất trong các vùng được lựa chọn được đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản trị, tổ chức sản xuất và liên kết chuỗi.	Phòng Kinh tế	Các phòng, ngành xã, HTX, doanh nghiệp	2027 - 2030

5	Trên 70% vùng nguyên liệu được lựa chọn có bản đồ số; ít nhất 60% diện tích được hỗ trợ áp dụng nhật ký điện tử, quản lý mã số và truy xuất nguồn gốc phù hợp.	Phòng Kinh tế	Các phòng, ngành xã, HTX, doanh nghiệp	2027 - 2030
6	Giảm chi phí vận chuyển tối thiểu 10%, giảm thời gian thu gom khoảng 10 - 15%.	Phòng Kinh tế	Các phòng, ngành xã, HTX, doanh nghiệp	2027 - 2030
7	Giảm tổn thất sau thu hoạch khoảng 8 - 10% tại các vùng được hỗ trợ.	Phòng Kinh tế	Các phòng, ngành xã, HTX, doanh nghiệp	2027 - 2030
8	Phấn đấu tăng khoảng 10% doanh thu của HTX và thu nhập của người sản xuất tham gia vùng nguyên liệu	Phòng Kinh tế	Các phòng, ngành xã, HTX, doanh nghiệp	2027 - 2030
9	Phát triển, củng cố các HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất theo tiêu chuẩn, có truy xuất nguồn gốc.	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	Các phòng, ngành xã, HTX, doanh nghiệp	2027 - 2030

PHỤ LỤC II
DANH MỤC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH

(kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng 10 năm 2026 của UBND xã Vĩnh Thuận)

TT	Nhiệm vụ chủ yếu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình	Sản phẩm hoàn thành	Thời gian
1	Chủ trì rà soát, đánh giá, lựa chọn vùng nguyên liệu. Xây dựng, quản lý, cập nhật và vận hành cơ sở dữ liệu số vùng nguyên liệu của xã, bảo đảm kết nối đồng bộ với nền tảng chung của tỉnh	Phòng Kinh tế	Các Phòng, ban, ngành xã, HTX, doanh nghiệp	UBND xã	Kế hoạch đào tạo, củng cố HTX	2027 - 2030
2	Tổ chức theo dõi, giám sát định kỳ, đột xuất tiến độ, chất lượng, hiệu quả thực hiện và tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân xã, Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.	Phòng Kinh tế	Các Phòng, ban, ngành xã, HTX, doanh nghiệp	UBND xã	Báo cáo	2026 - 2030
3	Cân đối, bố trí và lồng ghép nguồn vốn ngân sách địa phương theo khả năng cân đối và quy định của pháp luật; phối hợp thẩm định nhu cầu vốn, tổng hợp và phân bổ nguồn lực theo đúng thứ tự ưu tiên và tiến độ triển khai.	Phòng Kinh tế	Các Phòng, ban, ngành xã, HTX, doanh nghiệp	UBND xã	Kế hoạch/ báo cáo	2027-2030
4	Hướng dẫn thực hiện công tác thanh quyết toán và kiểm tra việc sử dụng vốn; phối hợp giám sát tiến độ giải	Phòng Kinh tế	Các Phòng, ban, ngành xã, HTX, doanh nghiệp	UBND xã	Hướng dẫn/ kế hoạch, báo cáo	2027-2030

	ngân, hiệu quả sử dụng nguồn lực và đề xuất giải pháp xử lý các khó khăn, vướng mắc trong quá trình phân bổ và quản lý vốn.					
5	Phối hợp rà soát, đề xuất danh mục và thứ tự ưu tiên đầu tư các công trình hạ tầng giao thông và hạ tầng liên quan phục vụ vùng nguyên liệu; hướng dẫn quy hoạch, tiêu chuẩn kỹ thuật, thủ tục đầu tư, quản lý chất lượng công trình theo thẩm quyền.	Phòng Kinh tế	Các Phòng, ban, ngành xã, HTX, doanh nghiệp	UBND xã	Danh mục/báo cáo	2027-2030
6	Phối hợp hướng dẫn, kiểm tra công tác giải phóng mặt bằng, thủ tục đầu tư, nghiệm thu, bàn giao và quy chế quản lý, vận hành, duy tu bảo trì công trình sau khi hoàn thành, bảo đảm công trình được đưa vào khai thác hiệu quả, bền vững.	Phòng Kinh tế	Các Phòng, ban, ngành xã, HTX, doanh nghiệp	UBND xã	Hướng dẫn/báo cáo	2027-2030
7	Nâng cao năng lực quản trị, tài chính, kế toán, tổ chức sản xuất và xây dựng liên kết sản xuất cho các hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn; hỗ trợ củng cố, sắp xếp lại các hợp tác xã hoạt động chưa hiệu quả trong các vùng nguyên liệu.	Phòng Kinh tế	Các Phòng, ban, ngành xã, HTX, doanh nghiệp	UBND xã	Tập huấn/cũng cố HTX, THT	2027-2030

8	Hướng dẫn ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; hướng dẫn, hỗ trợ tham gia hệ thống thông tin quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá xã Vĩnh Thuận.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các Phòng, ban, ngành xã, HTX, doanh nghiệp	UBND xã	Tập huấn/Kế hoạch, hướng dẫn, báo cáo	2027-2030
9	Hỗ trợ, hướng dẫn việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các giải pháp nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hoá góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất và sức cạnh tranh cho nông sản trên địa bàn xã.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các Phòng, ban, ngành xã, HTX, doanh nghiệp	UBND xã	Tập huấn/Kế hoạch, hướng dẫn, báo cáo	2027-2030
10	Phối hợp tuyên truyền, phổ biến chính sách, hỗ trợ đào tạo, tư vấn nâng cao năng lực quản trị, tài chính, kế toán, tổ chức sản xuất và xây dựng liên kết sản xuất cho các hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn.	Đề nghị Hội Nông dân xã	Các Phòng, ban, ngành xã, HTX, doanh nghiệp	UBND xã	Kế hoạch đào tạo, củng cố THT	2027 - 2030
11	Phát triển tổ hợp tác và tổ chức sản xuất phù hợp phục vụ vùng nguyên liệu	Đề nghị Hội Nông dân xã	Các Phòng, ban, ngành xã, HTX, doanh nghiệp	UBND xã	Kế hoạch đào tạo, củng cố THT	2027 - 2030